TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/DS-ST
Ngày: 10/7/2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em

2. Ông Nguyễn Hoà Bình

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Trần Thị Xuân Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2019/KTST ngày 20 tháng 12 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa",

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2020/QĐST-KDTM ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV A (Có mặt)

Địa chỉ trụ sở: Ô 17, Lô D, đường M, khu dân cư S, phường P, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Xuân N, sinh năm 1983

Địa chỉ: 67/1 đường A, phường C, thị xã T, tỉnh Bình Dương

Địa chỉ liên hệ: 231/1 đường H, kp. B, phường T, thị xã A, tỉnh Bình Dương

(Giấy uỷ quyền ngày 20/7/2019)

Bị đơn: Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H (Vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở: 61 đường N, khu dân cư J, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Hứa Hồng H – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty TNHH MTV A do ông Bùi Xuân N là đại diện uỷ quyền trình bày:

Ngày 27 tháng 4 năm 2019 nguyên đơn Công ty TNHH MTV A và bị đơn Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H ký hợp đồng kinh tế số: 04/04/HGB/NA/19. Theo nội dung hợp đồng Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H đồng ý cho Công ty TNHH MTV A tháo dỡ thu mua các loại phế liệu tại nhà xưởng địa chỉ: Nhà máy sản xuất Muối Phượng Hoàng, Thôn 3, xã Suối Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng Công ty TNHH MTV A phải đặt cọc cho Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng, ngày 27/4/2019 Công ty TNHH MTV A phải đặt cọc 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng và ngày 4/5/2019 phải đặt cọc 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

Thực hiện hợp đồng, ngày 27/4/2019 Công ty TNHH MTV A đã chuyển số tiền tổng cộng 540.000.000 (Năm trăm bốn mươi triệu) đồng cho Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H. Tuy nhiên sau khi chuyển tiền thì Công ty TNHH MTV A phát hiện nhà máy là đối tượng của hợp đồng đang có tranh chấp nên không thể giao dịch. Do vậy Công ty TNHH MTV A ngay lập tức yêu cầu ngân hàng thu hồi lệnh chuyển tiền. Tuy nhiên việc ngăn chặn không thành công do lệnh chuyển tiền đã thực hiện, chỉ có lệnh chuyển cuối cùng với số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng là không thành công do ghi sai tên chủ tài khoản. Do đó, Công ty TNHH MTV A đã chuyển cho Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H tổng cộng số tiền là 440.000.000 (Bốn trăm bốn mươi triệu) đồng.

Sau đó, Công ty TNHH MTV A yêu cầu Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H phải hoàn trả số tiền trên. Tuy nhiên Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H chỉ hoàn trả 240.000.000 (Hai trăm bốn mươi triệu) đồng. Số tiền còn lại 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H tìm cách né tránh, dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu nhưng bị đơn vẫn không chịu hoàn trả lại.

Tại phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn Công ty TNHH MTV A thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H phải trả lại số tiền đặt cọc là 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu huỷ bỏ hợp đồng mua bán hàng hoá được ký giữa các đương sự. Ngoài ra nguyên đơn Công ty TNHH MTV A không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H đã được Tòa án tiến hành tống đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng tại trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các Điều từ Điều 26 đến Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng qui định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn: Nguyên đơn Công ty TNHH MTV A đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn: Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H không thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vì vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV A

- Về án phí kinh doanh thương mại: Bị đơn Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đặt cọc để thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa. Đây là tranh chấp phát sinh từ hoạt động kinh doanh được quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần của Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H có trụ sở chính tại: 61 đường N, KDC J, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp giữa các bên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Nguyên đơn Công ty TNHH MTV A có ông Bùi Xuân N là người đại diện theo ủy quyền có mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng trong quá trình giải quyết vụ án và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H theo quy định tại điểm b, Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Xét, căn cứ hợp đồng kinh tế số: 04/04/HGB/NA/19 ngày 27/4/2019 được ký kết giữa nguyên đơn Công ty TNHH MTV A và bị đơn Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H. Thì đối tượng của hợp đồng là *các loại phế liệu tại nhà xưởng địa chỉ: Nhà máy sản xuất Muối Phượng Hoàng, Thôn 3, xã Suối Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.*

[3.2] Để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng, ngày 02/5/2019 ông Trần Mạnh N là giám đốc của Công ty TNHH MTV A đã chuyển tổng cộng 5 lần

vào tài khoản của ông Nguyễn Văn T với số tài khoản 050003643384 – Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Đồng Nai (Đây là số tài khoản theo Hợp đồng kinh tế số: 04/04/HGB/NA/19 bị đơn Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H đề nghị chuyển vào). Tổng cộng số tiền chuyển là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, mỗi lần chuyển khoản 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, với nội dung là "tien coc hop dong mua nha xuong phe lieu". Tuy nhiên có một lệnh chuyển tiền ghi sai người được thụ hưởng là "Nguy van tuyen" nên lệnh chuyển khoản này không thực hiện được. Từ đó có đủ cơ sở để xác định nguyên đơn Công ty TNHH MTV A đã thanh toán tổng cộng số tiền đặt cọc là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng cho bị đơn Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H.

[3.3] Nguyên đơn Công ty TNHH MTV A xác nhận sau khi phát hiện ra đối tượng thực hiện hợp đồng là *các loại phế liệu tại nhà xưởng địa chỉ: Nhà máy sản xuất Muối Phượng Hoàng, Thôn 3, xã Suối Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu* không thể thực hiện được do đang bị tranh chấp. Nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn hoàn trả lại số tiền đặt cọc trên và bị đơn đã hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 240.000.000 (Hai trăm bốn mươi triệu) đồng, bằng hình thức chuyển khoản vào ngày 02/5/2019.

[3.4] Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty TNHH MTV A trình bày đã thanh toán tổng cộng số tiền đặt cọc là 440.000.000 (Bốn trăm bốn mươi triệu) đồng, trong đó có 4 lần chuyển khoản như đã phân tích trên và 01 lần thanh toán bằng tiền mặt số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng ngay khi ký hợp đồng. Tuy nhiên khi thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng do tin tưởng làm ăn với nhau nên không có ký xác nhận với bị đơn Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H, nguyên đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc giao số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng. Tại phiên toà nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn phải hoàn trả số tiền 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên chấp nhận việc việc thay đổi này của nguyên đơn.

Từ sự phân tích ở các mục từ [3.1] đến [3.4], Hội đồng xét xử nhận định nguyên đơn Công ty TNHH MTV A yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền đặt cọc 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.5] Xét, Căn cứ theo lời trình bày của nguyên đơn Công ty TNHH MTV A thì đối tượng của hợp đồng là *các loại phế liệu tại nhà xưởng địa chỉ: Nhà máy sản xuất Muối Phượng Hoàng, Thôn 3, xã Suối Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu* do đang bị tranh chấp nên không thể thực hiện hợp đồng.

[3.6] Xét, Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Hứa Hồng H dù đã được Toà án nhân dân Quân 7 tống đạt triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án để đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng phía bị đơn Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[3.7] Xét, Căn cứ vào Khoản 1 Điều 45 của Luật thương mại 2005 về Nghĩa vụ bảo đảm quyền sở hữu đối với hàng hoá thì bên bán phải bảo đảm Quyền sở hữu của bên mua đối với hàng hóa đã bán không bị tranh chấp bởi bên thứ ba.

Căn cứ vào Khoản 6 Điều 292 Luật thương mại 2005 quy định về huỷ bỏ hợp đồng là một trong các loại chế tài trong thương mại.

Căn cứ vào điểm b Khoản 4 Điều 312 Luật thương mại 2005 quy định chế tài hủy bỏ hợp đồng được áp dụng trong trường hợp một bên vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng.

Căn cứ vào khoản 2 của Điều 314 Luật thương mại 2005 quy định về hậu quả pháp lý của việc huỷ bỏ hợp đồng thì các bên có quyền đòi lại lợi ích do việc đã thực hiện phần nghĩa vụ của mình theo hợp đồng.

Từ sự phân tích ở các mục từ [3.5] đến [3.7] có cơ sở để kết luận do đối tượng hợp đồng là *các loại phế liệu tại nhà xưởng địa chỉ: Nhà máy sản xuất Muối Phượng Hoàng, Thôn 3, xã Suối Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu* đang bị tranh chấp, đây là nghĩa vụ cơ bản của bên bán là bị đơn Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H về quyền sở hữu hàng hoá đối với bên mua là Công ty TNHH MTV A. Do đó yêu cầu huỷ bỏ hợp đồng kinh tế số: 04/04/HGB/NA/19 ngày 27/4/2019 được ký kết giữa nguyên đơn Công ty TNHH MTV A và bị đơn Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.8] Về thời hạn thanh toán:

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV A yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H phải hoàn trả số tiền đặt cọc 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Xét, đối tượng của hợp đồng không thực hiện được là do lỗi của bị đơn, việc bị đơn Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H không hoàn trả lại số tiền đặt cọc 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH MTV A nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 8.000.000 (Tám triệu) đồng, bị đơn Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH MTV A được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ, nên hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 (Năm triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0035904 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương ngày 20/8/2019.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điểm b, khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 45; Khoản 6 Điều 292; điểm b Khoản 4 Điều 312; khoản 2 của Điều 314 Luật thương mại 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014;

Xử:

[1]. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xử, Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV A

Huỷ bỏ hợp đồng kinh tế số: 04/04/HGB/NA/19 ngày 27/4/2019 được ký kết giữa nguyên đơn Công ty TNHH MTV A và bị đơn Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H.

Buộc Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H phải hoàn trả cho Công ty TNHH MTV A số tiền 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng.

[2.2]. Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Về quyền, nghĩa vụ thi hành án dân sự:

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyết định chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*:*

Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 8.000.000 (Tám triệu) đồng.

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 (Năm triệu) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0035904 ngày 20/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[4]. Về quyền kháng cáo, Kháng nghị:

Nguyên đơn, Công ty TNHH MTV A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, Công ty Cổ phần thiết kế Xây dựng H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

[5]. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án ND TP. HCM;
- VKS ND Quận 7;
- THA Dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (X. Duyên).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Lê Anh